

Số: 0007-08/23-02-11-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
 Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
 Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 Loại mẫu : Trầm tích tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía hạ lưu
 Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43:2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1	Chì (Pb)*	mg/kg	13,2	100	100	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
2	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (MDL=0,21)	91,3	112	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
3	Đồng (Cu)*	mg/kg	22,4	3,5	4,2	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
4	Kẽm (Zn)*	mg/kg	29,8	197	108	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
5	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH (MDL=1,1)	315	271	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
6	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH (MDL=0,04)	90	160	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
7	Tổng Hydrocacbon* **	mg/kg	145,7	0,5	0,7	US EPA Method (3610B+5021A+8 270D)
8	Sắt (Fe) ****	mg/kg	2344	20.000	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
9	Carbon hữu cơ (TOC) ****	%	30,4	-	-	TCVN 8941:2011
10	Bari (Ba)****	mg/kg	KPH	-	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Viện Nhiệt Đới Môi Trường – Vimcerts 009 – Theo phiếu phân tích số: QT.23.0682)

(***): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty CP DV TV Môi Trường Hải Âu – Vimcerts 117 – Theo phiếu phân tích số: PTN/Số: HA.23.06778.2-4)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-08/23-02-10-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Đất tại khu vực cảng xuất trên sông thị Vải, có tọa độ X=01164702;
Y=00420482
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT: 2015/BTNMT Đất công nghiệp	Phương pháp phân tích
1	Cadimi (Cd)*	mg/kg	0,67	10	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
2	Đồng (Cu)*	mg/kg	78,4	300	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
3	Chì (Pb)*	mg/kg	40,1	300	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
4	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH (MDL=1,1)	250	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH (MDL=0,04)	-	TCVN 6649:2000 + TCVN 8882:2011
6	TOC****	mg/kg	38,1	-	TCVN 8941:2011
7	Hydrocacbon****	mg/kg	KPH	-	US EPA Method 5035 US EPA Method 3620C US EPA Method 8260D
8	Sắt (Fe)**	mg/kg	187x10 ³	-	US EPA Method 200.7

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3 – Vimcerts 078 – Theo phiếu phân tích số: KT3-04728AMT3/5)

(***): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty CP DV TV Môi Trường Hải Âu – Vimcerts 117 – Theo phiếu phân tích số: PTN/Số: HA.23.06778.1)

QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-02-17-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNGTên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**

Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PV GAS Vũng Tàu (KCTV)

Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ

Loại mẫu : Động vật đáy

Ngày lấy mẫu : 18/08/2023

Lần ban hành

: 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Tên khoa học	Kết quả		
		Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
	Phylum MOLLUSCA			
	Class Bivalvia			
	Order Venerida			
	Family Veneridae			
1	<i>Meretrix lyrata</i> G.B.Sowerby II, 1851	12	10	6
	Order Veneroida			
	Family Cyrenidae			
2	<i>Corbicula fluminea</i> O.F. Muller, 1974	20	10	9
	Class Gastropoda			
	Order Caenogastropoda			
	Family Thiariidae			
3	<i>Melanoides tuberculata</i> O.F.Muller, 1774	9		9
	Order Neritimorpha			
	Family Neritidae			
4	<i>Neritina</i> sp.	5		5
	Phylum ARTHROPODA			
	Class Insecta			
	Order Diptera			
	Family Chironomidae			
5	<i>Chironomus</i> sp.	10	15	20
	Phylum ANNELIDA			
	Class Clitellata			
	Order Oligochaeta			
	Family Tubificidae			
6	<i>Limnodrilus hoffmeisteri</i> Claparede, 1862	17	9	14



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

7	<i>Tubiflex tubiflex</i> O.F. Muller, 1774	9		15
	Class Polychaeta			
	Order Phyllodocida			
	Family Nephthyidae			
8	<i>Nephthys</i> sp.			10
	Tổng số loài	7	4	8
	Tổng số cá thể/m²	82	44	88

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

Phương pháp định lượng: SMEWW 10500B:2017

Mẫu 1: Phiêu sinh vật tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía thượng lưu

Mẫu 2: Phiêu sinh vật tại cảng xuất trên sông Thị Vải

Mẫu 3: Phiêu sinh vật tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía hạ lưu

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Nguyễn Thanh Sơn****Hồ Thị Kim Cúc**



Số: 0007-08/23-02-16-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PV GAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Động vật nổi
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Tên khoa học	Kết quả		
		Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
	Phylum PYRROPHYCOPHYTA			
	Class Dinophyceae			
	Order Gonyaulacales			
	Family Ceratiaceae			
1	<i>Ceratium furca</i> Claparède & Lachmann, 1859	6110	1430	1330
2	<i>Ceratium tripos</i> Nitzsch, 1817	8670	4850	2890
3	<i>Ceratium</i> sp.	3040	2320	3050
	Family Heterodiniaceae			
4	<i>Peridinium granii</i> Ostensfeld, 1906	980	1220	1860
	Phylum EUGLENOPHYCOTA			
	Class Euglenophyceae			
	Order Euglenales			
	Family Euglenaceae			
5	<i>Euglena</i> sp.	21020	173420	184520
	Phylum PROTOZOA			
	Class Lobosa			
	Order Arcellinida			
	Family Diffugiidae			
6	<i>Diffugia acuminata</i> Ehrenberg, 1838	9320	11680	10340
7	<i>Diffugia binucleata</i> Penard, 1902	1640	2330	12950
8	<i>Diffugia distenda</i> Penard, 1899	1330	1650	
9	<i>Diffugia lanceolata</i> Penard, 1890	13420	12120	8320
10	<i>Diffugia lebes</i> Penard, 1899	18810	9160	12760
11	<i>Diffugia urceolata</i> Carter, 1864	13440	12460	13830



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
 ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
 Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

	Phylum CILIOPHORA			
	Class Ciliata			
	Order Oligotrichida			
	Family Codonellidae			
12	<i>Tintinnopsis mortenseni</i> Schmidt, 1901			
	Phylum ARTHROPODA			
	Class Maxillopoda			
	Order Calanoida			
	Family Diaptomidae			
13	<i>Diaptomus</i> sp			
	Bộ Cyclopoida			
	Họ Cyclopidae			
14	<i>Ectocyclops phaleratus</i> Koch, 1838	4760	1440	
15	<i>Thermocyclops oithonoides</i> Sars G.O., 1863	3550	3600	
16	Ấu trùng nhóm Copepoda	109260	159100	106420
	Tổng số loài	14	14	11
	Tổng số cá thể/m³	215350	396780	358270

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động
 Vincerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

Phương pháp định lượng: SMEWW 10200B:2017

Mẫu 1: Phiêu sinh vật tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía thượng lưu

Mẫu 2: Phiêu sinh vật tại cảng xuất trên sông Thị Vải

Mẫu 3: Phiêu sinh vật tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía hạ lưu

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
 PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc



Số: 0007-08/23-02-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018
2	Độ rung*	TCVN 6963:2001
3	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995
5	CO*	SOP_K01-PT
6	SO ₂ *	TCVN 5971: 1995
7	NO ₂ *	TCVN 6137:2009
8	Hydrocarbons (C _x H _y)*	NIOSH Method 1500
9	H ₂ S*	MASA 701
10	CO ₂ *	Thiết bị đo khí CO ₂ hiện số TESTO 535



KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Vị trí đo	Độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ rung (dB)
1. Khu vực nằm trên trục hướng gió chủ đạo so với cầu 1, X=01164702; Y=00420482	56	-	54
2. Khu vực nằm trên trục hướng gió chủ đạo so với cầu 2, X=01164523; Y=00420366	61	-	56
3. Khu vực nằm trên trục hướng gió chủ đạo so với khu vực bồn chứa (kho lạnh), X=01164061; Y=00420593	-	32,6	-
4. Khu vực nằm trên trục hướng gió chủ đạo so với khu vực đốt đuốc (kho lạnh), X=01163775; Y=00420559	-	32,2	-
QCVN 26:2010/BTNMT	6h - 21h: 70 21h - 6h: 55	-	-
QCVN 27:2010/BTNMT	-	-	6h - 21h: 70 21h - 6h: 60



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Vị trí đo	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	C _x H _y	CO ₂	H ₂ S
	mg/m ³						
1. Vị trí nằm trên trục hướng gió chủ đạo so với khu vực bồn chứa (kho lạnh), có tọa độ X=01164061; Y=00420593	0,10	1,78	0,042	0,015	0,91	333	-
2. Vị trí nằm trên trục hướng gió chủ đạo so với khu vực đốt đuốc (kho lạnh), có tọa độ X=01163775; Y=00420559	0,13	2,04	0,036	0,018	0,95	295	-
3. Khu vực ngoài Kho Cảng PVGas Vũng Tàu, trên đường số 9, có tọa độ X=01164591; Y=00421113	0,15	2,15	0,038	0,016	0,94	362	-
4. Khu vực ngoài Kho Cảng PVGas Vũng Tàu, trên đường số 965, có tọa độ X=01163881; Y=00420740	0,17	2,23	0,046	0,017	0,92	351	-
5. Khu vực ngoài hàng rào gần cầu cảng số 1, có tọa độ X=01164696; Y=00420785	0,12	1,96	0,040	0,020	0,93	-	KPH
6. Khu vực ngoài hàng rào gần cầu cảng số 2, có tọa độ X=01164492; Y=00420327	0,13	1,89	0,029	0,022	0,97	-	KPH
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	30	0,35	0,2	-	-	-
QCVN 06:2009/BTNMT	-	-	-	-	5	-	0,042

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

BỘ PHÂN ĐO ĐẶC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc



Số: 0007-08/23-02-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	Hydrocarbons (C _x H _y)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
6	H ₂ S*	MASA 701	MASA 701	0,0047 mg/m ³
7	CO ₂ *	Thiết bị đo khí CO ₂ hiện số TESTO 535	-	0÷17.998 mg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	C _x H _y	CO ₂	H ₂ S
	mg/m ³						
1. Khu vực cầu cảng 1, có tọa độ X=01164702;Y=00420482	0,15	2,25	0,024	0,017	0,92	353	KPH
2. Khu vực cầu cảng 2, có tọa độ X=01164523;Y=00420366	0,12	2,00	0,035	0,019	0,96	320	KPH
3. Khu vực đuốc thấp áp (kho LPG lạnh), có tọa độ X=01164396;Y=00420442	0,10	-	0,045	0,024	0,94	369	-
4. Khu vực giữa 2 bồn chứa LPG (kho LPG lạnh), có tọa độ X=01164204;Y=00420557	0,11	-	0,043	0,018	0,93	380	-
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	30	0,35	0,2	-	-	-
QCVN 06:2009/BTNMT	-	-	-	-	5	-	0,042



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

KPH: Kkhông phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-08/23-02-09-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước mặt khu vực cầu cảng 1 (sông Thị Vải)
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
1	pH* (28,2 ⁰ C)	-	6,69	5,5–9	TCVN 6492:2011
2	DO*	mg/L	2,12	≥ 2	TCVN 7325: 2016
3	TSS*	mg/L	26	100	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	31	50	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD ₅ *	mg/L	14	25	TCVN 6001-1:2008
6	EC*	μS/cm	13.210	-	SMEWW 2510.B:2017
7	Độ muối*	‰	13,6	-	SMEWW 2520.B:2017
8	Độ đục*	NTU	19,2	-	SMEWW 2130.B:2017
9	Nhiệt độ*	°C	28,2	-	SMEWW 2550.B:2017
10	Tổng N*	mg/L	1,99	-	TCVN 6638: 2000
11	Tổng P*	mg/L	KPH (MDL=0,017)	-	TCVN 6202: 2008
12	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,9	TCVN 6179-1:1996
13	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,92	15	TCVN 6180:1996
14	NO ₂ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,019	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ - B: 2017
15	Cl ⁻ *	mg/L	7.593	-	TCVN 6194: 1996
16	Ca*	mg/L	326	-	SMEWW 3111.B:2017
17	Mg*	mg/L	1.178	-	SMEWW 3111.B:2017
18	SO ₄ ²⁻ *	mg/L	2.463	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ - E: 2017
19	Fe*	mg/L	0,14	2	TCVN 6177: 1996
20	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,002	TCVN 7877:2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
 ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
 Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
21	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,01	SMEWW 3113.B:2017
22	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,05	SMEWW 3113.B: 2017
23	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1	TCVN 6193: 1996
24	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	2	TCVN 6193:1996
25	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	1	SMEWW 3111.B:2017
26	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,02	TCVN 6216:1996
27	Ba**	mg/L	<0,10	-	SMEWW 3120B:2017
28	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH (MDL=0,29)	-	SMEWW 5520B: 2017
29	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC) *	mg/L	1,39	-	TCVN 6634:2000
30	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng (Hydrocacbon)**	mg/L	KPH (MDL=1,4)	-	SMEWW 5520F:2017
31	Coliform*	MPN/ 100mL	91	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Vimcerts 078 – Theo phiếu phân tích số: KT3-04728MT3/4)

KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08 MT-2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

**BỘ PHÂN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc



Số: 0007-08/23-02-08-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía hạ lưu
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
1	pH* (28,4 ⁰ C)	-	6,79	5,5–9	TCVN 6492:2011
2	DO*	mg/L	2,24	≥2	TCVN 7325: 2016
3	TSS*	mg/L	22	100	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	25	50	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD ₅ *	mg/L	11	25	TCVN 6001-1:2008
6	EC*	μS/cm	12.460	-	SMEWW 2510.B:2017
7	Độ muối*	‰	13,8	-	SMEWW 2520.B:2017
8	Độ đục*	NTU	15,4	-	SMEWW 2130.B:2017
9	Nhiệt độ*	°C	28,4	-	SMEWW 2550.B:2017
10	Tổng N*	mg/L	2,04	-	TCVN 6638: 2000
11	Tổng P*	mg/L	KPH (MDL=0,017)	-	TCVN 6202: 2008
12	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,9	TCVN 6179-1:1996
13	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,87	15	TCVN 6180:1996
14	NO ₂ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,015	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
15	Cl ⁻ *	mg/L	7.677	-	TCVN 6194: 1996
16	Ca*	mg/L	304	-	SMEWW 3111.B:2017
17	Mg*	mg/L	1.125	-	SMEWW 3111.B:2017
18	SO ₄ ²⁻ *	mg/L	2.487	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ -E: 2017
19	Fe*	mg/L	0,19	2	TCVN 6177: 1996
20	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,002	TCVN 7877:2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
 ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
 Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
21	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,01	SMEWW 3113.B:2017
22	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,05	SMEWW 3113.B: 2017
23	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1	TCVN 6193: 1996
24	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	2	TCVN 6193:1996
25	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	1	SMEWW 3111.B:2017
26	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,02	TCVN 6216:1996
27	Ba**	mg/L	<0,10	-	SMEWW 3120B:2017
28	Tổng dầu, mỡ *	mg/L	KPH (MDL=0,29)	-	SMEWW 5520B: 2017
29	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC) *	mg/L	1,68	-	TCVN 6634:2000
30	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng (Hydrocacbon)**	mg/L	KPH (MDL=1,4)	-	SMEWW 5520F:2017
31	Coliform*	MPN/ 100mL	81	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026– Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Vimcerts 078 – Theo phiếu phân tích số: KT3-04728MT3/2)

KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08 MT-2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

**BỘ PHÂN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc

Số: 0007-08/23-02-07-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
 Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
 Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 Loại mẫu : Nước sông Thị Vải khu vực cách vị trí xả nước thải 100m về phía hạ lưu
 Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
1	pH* (28,4 ⁰ C)	-	6,75	5,5–9	TCVN 6492:2011
2	DO*	mg/L	2,26	≥ 2	TCVN 7325: 2016
3	TSS*	mg/L	20	100	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	23	50	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD ₅ *	mg/L	10	25	TCVN 6001-1:2008
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,9	TCVN 6179-1:1996
7	Cl ⁻ *	mg/L	8.556	-	TCVN 6194: 1996
8	F ⁻ *	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2	SMEWW 4500-F-.B&D:2017
9	NO ₂ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,021	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
10	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	1,12	15	TCVN 6180:1996
11	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,5	TCVN 6202: 2008
12	CN ⁻ *	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,05	SMEWW 4500-CN-.B,C&E:2017
13	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,02	TCVN 6216:1996
14	Mn*	mg/L	KPH (MDL=0,013)	1	SMEWW 3111.B:2017
15	Ni*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	SMEWW 3111.B:2017
16	Fe*	mg/L	0,27	2	SMEWW 3111.B:2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
17	As*	mg/L	KPH (MDL=65×10 ⁻⁵)	0,1	TCVN 6626:2000
18	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,002	TCVN 7877:2008
19	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,01	SMEWW 3113.B:2017
20	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,05	SMEWW 3113.B: 2017
21	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	1	SMEWW 3111.B:2017
22	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,05	TCVN 6658:2000
23	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1	SMEWW 3111.B: 2017
24	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	2	SMEWW 3111.B:2017
25	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	0,5	TCVN 6622-1:2009
26	Aldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
27	Benzene hexachloride (BHC)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,02	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
28	Dieldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
29	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	1,0	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
30	Heptachlor & Heptachlorepoxyde*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,2	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
31	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC) *	mg/L	1,2	-	TCVN 6634:2000
32	Tổng dầu, mỡ *	mg/L	KPH (MDL=0,29)	-	SMEWW 5520.B: 2017
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	KPH (MDL=0,021)	0,1	TCVN 8879:2011
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	KPH (MDL=0,018)	1,0	TCVN 8879:2011
35	E.coli*	MPN/ 100m L	10	200	TCVN 6187-2:1996
36	Coliform*	MPN/ 100m L	150	10.000	TCVN 6187-2:1996

0286
CÔNG TY
HÀNG
NG
SÀI GÒN
5 CH



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về về chất lượng nước mặt

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-08/23-02-06-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía thượng lưu
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
1	pH* (28,0°C)	-	6,67	5,5–9	TCVN 6492:2011
2	DO*	mg/L	3,35	≥ 2	TCVN 7325: 2016
3	TSS*	mg/L	17	100	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	19	50	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD ₅ *	mg/L	9	25	TCVN 6001-1:2008
6	EC*	μS/cm	12.250	-	SMEWW 2510.B:2017
7	Độ muối*	‰	13,5	-	SMEWW 2520.B:2017
8	Độ đục*	NTU	12,2	-	SMEWW 2130.B:2017
9	Nhiệt độ*	°C	28,0	-	SMEWW 2550.B:2017
10	Tổng N*	mg/L	1,68	-	TCVN 6638: 2000
11	Tổng P*	mg/L	KPH (MDL=0,017)	-	TCVN 6202: 2008
12	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,9	TCVN 6179-1:1996
13	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,46	15	TCVN 6180:1996
14	NO ₂ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,009	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ - B: 2017
15	Cl ⁻ *	mg/L	7.489	-	TCVN 6194: 1996
16	Ca*	mg/L	296	-	SMEWW 3111.B:2017
17	Mg*	mg/L	1.101	-	SMEWW 3111.B:2017
18	SO ₄ ²⁻ *	mg/L	2.365	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ - E: 2017
19	Fe*	mg/L	0,15	2	TCVN 6177: 1996

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
 ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
 Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
20	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,002	TCVN 7877:2008
21	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,01	SMEWW 3113.B:2017
22	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,05	SMEWW 3113.B: 2017
23	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1	TCVN 6193: 1996
24	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	2	TCVN 6193:1996
25	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	1	SMEWW 3111.B:2017
26	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,02	TCVN 6216:1996
27	Ba**	mg/L	KPH (MDL=0,05)	-	SMEWW 3120B:2017
28	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH (MDL=0,29)	-	SMEWW 5520B: 2017
29	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC) *	mg/L	1,14	-	TCVN 6634:2000
30	Hàm lượng dầu, mỡ khoáng (Hydrocacbon)**	mg/L	KPH (MDL=1,4)	-	SMEWW 5520F:2017
31	Coliform*	MPN/ 100mL	60	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vincerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Vincerts 078 – Theo phiếu phân tích số: KT3-04728MT3/3)

KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08 MT-2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về về chất lượng nước mặt

**BỘ PHÂN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc

Số: 0007-08/23-02-05-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
 Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
 Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 Loại mẫu : Nước sông Thị Vải khu vực cách vị trí xả nước thải 100m về phía thượng lưu
 Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
1	pH* (28,4 ⁰ C)	-	6,69	5,5–9	TCVN 6492:2011
2	DO*	mg/L	2,85	≥ 2	TCVN 7325: 2016
3	TSS*	mg/L	14	100	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	17	50	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD ₅ *	mg/L	8	25	TCVN 6001-1:2008
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,9	TCVN 6179-1:1996
7	Cl ⁻ *	mg/L	8.465	-	TCVN 6194: 1996
8	F ⁻ *	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2	SMEWW 4500-F-.B&D:2017
9	NO ₂ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,015	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
10	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,86	15	TCVN 6180:1996
11	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,5	TCVN 6202: 2008
12	CN ⁻ *	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,05	SMEWW 4500-CN-.B,C&E:2017
13	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,02	TCVN 6216:1996
14	Mn*	mg/L	KPH (MDL=0,013)	1	SMEWW 3111.B:2017
15	Ni*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	SMEWW 3111.B:2017
16	Fe*	mg/L	0,19	2	SMEWW 3111.B:2017
17	As*	mg/L	KPH	0,1	TCVN 6626:2000



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
 ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
 Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08- MT:2015/ BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
			(MDL=65×10 ⁻⁵)		
18	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,002	TCVN 7877:2008
19	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,01	SMEWW 3113.B:2017
20	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,05	SMEWW 3113.B: 2017
21	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	1	SMEWW 3111.B:2017
22	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,05	TCVN 6658:2000
23	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1	SMEWW 3111.B: 2017
24	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	2	SMEWW 3111.B:2017
25	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	0,5	TCVN 6622-1:2009
26	Aldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
27	Benzene hexachloride (BHC)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,02	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
28	Dieldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
29	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	1,0	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
30	Heptachlor & Heptachlorepoxyde*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,2	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
31	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC) *	mg/L	1,42	-	TCVN 6634:2000
32	Tổng dầu, mỡ *	mg/L	KPH (MDL=0,29)	-	SMEWW 5520.B: 2017
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	KPH (MDL=0,021)	0,1	TCVN 8879:2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
34	Tổng hoạt độ phóng xạ B*	Bq/L	KPH (MDL=0,018)	1,0	TCVN 8879:2011
35	E.coli*	MPN/100 mL	6	200	TCVN 6187-2:1996
36	Coliform*	MPN/100 mL	110	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vincerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

**BỘ PHÂN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Nguyễn Thanh Sơn****GIÁM ĐỐC****Hồ Thị Kim Cúc**



Số: 0007-08/23-02-04-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGas Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống bể tự hoại 3 ngăn
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,9 ⁰ C)	-	6,75	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	20	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ *	mg/L	27	50	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	311	1.000	SOP_HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,344	4	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	4,10	10	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	7,89	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)*	mg/L	0,362	10	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,0	20	SMEWW 5520.B&F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,124	10	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	2.700	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc



Số: 0007-08/23-02-03-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải trên Sông Thị Vải, tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000): X=420340; Y=1164435
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN40: 2011/BTNMT (Cột B) $K_q=1; K_f=0,9$	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,9 ⁰ C)	-	6,87	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	°C	30,9	40	SMEWW 2550.B:2017
3	TSS*	mg/L	27	90	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	69	135	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD ₅ *	mg/L	29	45	TCVN 6001-1:2008
6	Tổng N*	mg/L	6,77	36	TCVN 6638: 2000
7	Tổng P*	mg/L	0,616	5,4	TCVN 6202: 2008
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	2,99	9	TCVN 6179-1:1996
9	NO ₂ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,046	-	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ - B:2017
10	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	2,85	-	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ - .E:2017
11	S ²⁻ *	mg/L	KPH (MDL=0,015)	0,45	SMEWW 4500-S ²⁻ - .C&D:2017
12	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,45	TCVN 6216:1996
13	CN*	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,09	SMEWW 4500-CN- .B,C&E:2017
14	Fe*	mg/L	0,284	4,5	SMEWW 3111.B:2017
15	As*	mg/L	KPH (MDL=65×10 ⁻⁵)	0,09	TCVN 6626:2000
16	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,009	TCVN 7877:2008
17	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,45	SMEWW 3113.B: 2017
18	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,09	SMEWW 3113.B: 2017
19	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	2,7	SMEWW 3111.B:2017
20	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1,8	SMEWW 3111B: 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
 ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
 Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN40: 2011/BTNMT (Cột B) K _q =1; K _r =0,9	Phương pháp phân tích
21	Ni*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,45	SMEWW 3111.B:2017
22	Mn*	mg/L	KPH (MDL=0,013)	0,9	SMEWW 3111.B:2017
23	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	-	SMEWW 3111.B: 2017
24	Cr (III)*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	0,9	SMEWW 3111B:2017+ TCVN 6658:2000
25	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,09	TCVN 6658:2000
26	SO ₄ ²⁻ *	mg/L	104,2	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017
27	DO*	mgO ₂ /L	1,02	-	TCVN 7324: 2004
28	Cl*	mg/L	142,6	900	TCVN 6194: 1996
29	Clo dư*	mg/L	0,069	1,8	SMEWW 4500-Cl.G:2017
30	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,0	9	SMEWW 5520.B& F: 2017
31	EC**	μS/cm	576	-	SMEWW 2510B:2017
32	Ba**	mg/L	0,31	-	SMEWW3120B:2017
33	Ca ²⁺ **	mg/L	85,2	-	SMEWW3120B:2017
34	Mg ²⁺ **	mg/L	5,28	-	SMEWW3120B:2017
35	Độ đục**	NTU	12	-	SMEWW 2130B:2017
36	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC) **	mg/L	484,3	-	TCVN 6634:2000
37	Hàm lượng dầu mỡ khoáng (Hydrocacbon)**	mg/L	KPH (MDL=1,4)	-	SMEWW 5520B&F:2017
38	Coliform*	MPN/ 100mL	1.700	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Vimcerts 078 – Theo phiếu phân tích số: KT3-04728MT3/1)

KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713

Hotline: 0986 709 307

0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

BỘ PHÂN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-08/23-02-15-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PV GAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Thực vật nổi
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	KẾT QUẢ		
		Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
	Order CENTRALES			
	Class BACILLARIOPHYCEAE			
1	<i>Actinoptichus annulatus</i>	365	160	389
2	<i>Biddulphia regia</i>	160	140	165
3	<i>Coscinodiscus excentricus</i>	780	322	42
4	<i>Coscinodiscus bipartitus</i>	1100	240	197
5	<i>Coscinodiscus lineatus</i>	439	860	605
6	<i>Coscinodiscus radiatus</i>	255	510	170
7	<i>Coscinodiscus spp.</i>	380	280	490
8	<i>Cyclotella comta</i>	450	760	190
9	<i>Cyclotella meneghiniana</i>	400	210	545
10	<i>Dithylum brightwelii</i>	1720	2240	1120
11	<i>Dithylum sol</i>	60	355	150
12	<i>Skeletonema costatum</i>	130	900	100
	Order PENNALES			
	Class BACILLARIOPHYCEAE			
13	<i>Gyrosigma angulatum</i>	30	450	
14	<i>Thalassiothrix frauenfeldii</i>	1276	1300	120
Tổng số loài		15	14	13
Tổng số tế bào/lít		7545	8727	4283





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

Phương pháp định lượng: SMEWW 10200B:2017

Mẫu 1: Phiêu sinh vật tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía thượng lưu

Mẫu 2: Phiêu sinh vật tại cảng xuất trên sông Thị Vải

Mẫu 3: Phiêu sinh vật tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía hạ lưu

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-08/23-02-14-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Kích cỡ trầm tích
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KÍCH CỠ TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp phân tích
			Trầm tích 1	Trầm tích 2	Trầm tích 3	
1	Thành phần cấp độ hạt***	mm	0,063-0,002	0,063-0,002	0,063-0,002	TCVN 6862:2012
2	>20 mm	%	KPH (LOD=0,21)	KPH (LOD=0,21)	KPH (LOD=0,21)	TCVN 6862:2012
3	20-6,3 mm	%	KPH (LOD=0,98)	KPH (LOD=0,98)	KPH (LOD=0,98)	TCVN 6862:2012
4	6,3-2 mm	%	KPH (LOD=1,04)	KPH (LOD=1,04)	KPH (LOD=1,04)	TCVN 6862:2012
5	2-1 mm	%	KPH (LOD=0,69)	KPH (LOD=0,69)	KPH (LOD=0,69)	TCVN 6862:2012
6	1-0,5 mm	%	KPH (LOD=1,44)	KPH (LOD=1,44)	KPH (LOD=1,44)	TCVN 6862:2012
7	0,5-0,25 mm	%	KPH (LOD=1,52)	KPH (LOD=1,52)	KPH (LOD=1,52)	TCVN 6862:2012
8	0,25-0,063 mm	%	KPH (LOD=2,38)	KPH (LOD=2,38)	KPH (LOD=2,38)	TCVN 6862:2012
9	0,063-0,020 mm	%	53,94	30,13	54,4	TCVN 6862:2012
10	0,020-0,002 mm	%	15,31	32,82	12,92	TCVN 6862:2012

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(***): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Viện Nhiệt Đối Môi Trường – Vimcerts 009 – Theo phiếu phân tích số: QT.23.0682)

Trầm tích 1: Trầm tích tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía hạ lưu

Trầm tích 2: Trầm tích tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía thượng lưu



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

Trầm tích 3: Trầm tích tại cảng xuất trên sông Thị Vải

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-08/23-02-13-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Trầm tích tại sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía thượng lưu
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43:2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1	Chì (Pb)*	mg/kg	10,4	91,3	112	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
2	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (MDL=0,21)	3,5	4,2	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
3	Đồng (Cu)*	mg/kg	19,6	197	108	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
4	Kẽm (Zn)*	mg/kg	42,5	315	271	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
5	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH (MDL=1,1)	90	160	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
6	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH (MDL=0,04)	0,5	0,7	TCVN 6649:2000 + TCVN 8882:2011
7	Tổng Hydrocacbon***	mg/kg	348,0	100	100	US EPA Method (3610B+5021A+8 270D)
8	Sắt (Fe) *****	mg/kg	2328	20.000	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
9	Carbon hữu cơ (TOC) *****	%	35,9	-	-	TCVN 8941:2011
10	Bari (Ba) *****	mg/kg	KPH	-	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: : 831-08/23-1.2 / KQPT)

(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Viện Nhiệt Đới Môi Trường – Vimcerts 009 – Theo phiếu phân tích số: QT.23.0682)

(***): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty CP DV TV Môi Trường Hải Âu – Vimcerts 117 – Theo phiếu phân tích số: PTN/Số: HA.23.06778.2-4)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-08/23-02-12-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Trầm tích tại cảng xuất trên sông Thị Vải
Ngày lấy mẫu : 18/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43: 2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1	Chì (Pb)*	mg/kg	14,5	100	100	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
2	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (MDL=0,21)	91,3	112	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
3	Đồng (Cu)*	mg/kg	23,5	3,5	4,2	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
4	Kẽm (Zn)*	mg/kg	31,2	197	108	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
5	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH (MDL=1,1)	315	271	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
6	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH (MDL=0,04)	90	160	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
7	Tổng Hydrocacbon***	mg/kg	206,8	0,5	0,7	US EPA Method (3610B+5021A+8 270D)
8	Sắt (Fe) ****	mg/kg	2528	20.000	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
9	Carbon hữu cơ (TOC)****	%	37,1	-	-	TCVN 8941:2011
10	Bari (Ba) ****	mg/kg	KPH	-	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.2 / KQPT)

(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Viện Nhiệt Đới Môi Trường – Vimcerts 009 – Theo phiếu phân tích số: QT.23.0682)

(****): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty CP DV TV Môi Trường Hải Âu – Vimcerts 117 – Theo phiếu phân tích số: PTN/Số: HA.23.06778.2-4)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn website: <https://hsevn.com.vn> MST: 031.078.0286

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc

